

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023HNGĐ-ST

Ngày 26-9-2023

*V/v tranh chấp về ly hôn
và nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Hồng Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Xuân Đức và ông K'Bình

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa:
bà Cao Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 58/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Phạm Thị L, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn 4, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt

Bị đơn: anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn 4, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn G chung sống và có đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Thời gian đầu sống chung không có mâu thuẫn gì, vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, gần đây thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh G lấy lý do ra ngoài làm ăn nên thường xuyên vắng nhà, không chăm sóc vợ con, chị thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu

kéo dài thì sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của các con. Vì vậy, chị L yêu cầu được ly hôn với anh G. Quá trình sống chung chị L và anh G có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 14/5/2012 và cháu Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 20/6/2014. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi 02 con chung và yêu cầu anh G cấp dưỡng 2.000.000 đồng/02 cháu/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: chị và anh G tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không ghi nhận được ý kiến. Do vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không chấp hành. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh G; giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 14/5/2012 và cháu Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 20/6/2014 để chị L nuôi; buộc anh G cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/cháu/tháng cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi), tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: chị L và anh G chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh G nên quan hệ pháp luật là tranh chấp về "*ly hôn và nuôi con* "; bị đơn anh G có hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị L:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* chị L và anh G chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông vào năm 2012.

Quá trình sống chung, chị L và anh G bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; anh G không còn quan tâm chăm sóc gia đình; anh G thường xuyên vắng nhà, hai bên đã sống ly thân. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh G.

[2.2] *Về con chung*: Xét thu nhập thực tế, điều kiện chăm sóc các con và theo nguyên vọng của 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 14/5/2012 và cháu Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 20/6/2014 cần giao các cháu cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Buộc anh G cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/cháu/tháng cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) hình thức cấp dưỡng theo tháng, vào ngày 15 hàng tháng.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: không yêu cầu nên không xem xét.

[3] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84, 85 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

1.2. Về con chung: giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 14/5/2012 và cháu Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 20/6/2014 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Hàng tháng anh G cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/02 con/tháng cho đến khi các cháu thành niên, hình thức cấp dưỡng theo tháng, thời gian cấp dưỡng là ngày 15 hàng tháng.

Anh G có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, người cấp dưỡng và mức cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0004469, ngày 10/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Buộc anh Nguyễn Văn G phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Hồng Nhung

